TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG TỈNH VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 80/2020/HN-ST
Ngày: 24 - 11 - 2020
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Chi

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** Huỳnh Thị Yến Nhi - Kiểm sát viên

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2020/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lưu Quang Lê T, sinh năm 1978 (có mặt)

Nơi cư trú: số nhà M, đường P, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Thúy Tr, sinh năm 1979 (có mặt)

Nơi cư trú: số nhà M, đường P, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

Nơi tạm trú: số nhà B, đường P, phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/7/2020 và quá trình giải quyết vụ án, ông Lưu Quang Lê T trình bày:

Ông T và bà Huỳnh Thị Thúy Tr đăng ký kết hôn ngày 27/9/2005 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V. Cuộc sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến không hạnh phúc. Ông T yêu cầu ly hôn bà Tr.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lưu Huỳnh Nguyên K, sinh ngày 22/7/2007; Lưu Huỳnh Khôi N, sinh ngày 04/12/2013. Ông T yêu cầu nuôi

dưỡng hai con chung, không yêu cầu bà Tr cấp dưỡng con chung. Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Tại Văn bản trình bày ý kiến đề ngày 20/10/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Thị Thúy Tr trình bày:

Bà Tr và ông T đăng ký kết hôn như ông T trình bày là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng, chủ yếu những bất đồng nhỏ trong cuộc sống gia đình. Bà Tr không đồng ý ly hôn với ông T.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lưu Huỳnh Nguyên K, sinh ngày 22/7/2007; Lưu Huỳnh Khôi N, sinh ngày 04/12/2013. Trường hợp phải ly hôn, bà Tr yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng con chung.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn trình bày trường hợp Hội đồng xét xử giao bà Tr nuôi dưỡng hai con chung thì nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng hai con chung mức cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi; các yêu cầu khởi kiện còn lại giữ nguyên. Bị đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T. Ông T và bà Tr ly hôn với nhau. Con chung: Giao bà Tr nuôi dưỡng hai con chung tên Lưu Huỳnh Nguyên K, sinh ngày 22/7/2007; Lưu Huỳnh Khôi N, sinh ngày 04/12/2013. Công nhận sự tự nguyện của ông T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng hai con chung mức cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có. Án phí: Buộc ông T nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ án phí do thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông T là người có quyền khởi kiện bà Tr tranh chấp ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố V nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Vì vậy, thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 186 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Mâu thuẫn vợ chồng ông T, bà Tr theo ông T trình bày do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T xác định đã không còn tình cảm thương yêu bà Tr, yêu cầu ly hôn với bà Tr.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng của ông T, bà Tr không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không còn sự tự nguyện của ông T muốn sống chung cùng bà Tr. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nhưng hai bên không tìm ra giải pháp để hòa hợp, hàn gắn tình cảm. Vì vậy, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc ly hôn bà Tr.

[3] Ông T, bà Tr cùng có yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung tên Lưu Huỳnh Nguyên K, sinh ngày 22/7/2007; Lưu Huỳnh Khôi N, sinh ngày 04/12/2013; không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng con chung. Xét thấy, hai con chung Lưu Huỳnh Nguyên K, Lưu Huỳnh Khôi N cùng có văn bản trình bày nguyện vọng muốn sống cùng mẹ là bà Tr. Cả ông T, bà Tr là cha và mẹ cũng đều thể hiện sự thương yêu, chăm lo, bảo vệ con, đây là nghĩa vụ và quyền của cha mẹ với con cho dù trực tiếp hay không trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông T, bà Tr thương con nên cần phải tôn trọng ý kiến của con theo quy định tại Điều 69, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Lưu Huỳnh Nguyên K, Lưu Huỳnh Khôi N đã thể hiện tình cảm anh em khắng khít, gắn bó, thương yêu nhau, cần tiếp tục giao một bên cha hoặc mẹ nuôi dưỡng để đảm bảo tình cảm anh em ổn định. Lưu Huỳnh Nguyên K, Lưu Huỳnh Khôi N đã thể hiện ý kiến muốn sống cùng bà T nên Hội đồng xét xử quyết định buộc ông T giao bà Tr nuôi dưỡng hai con chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T trình bày nếu Hội đồng xét xử giao bà Tr nuôi dưỡng hai con chung thì ông T tự nguyện cấp dưỡng hai con chung mức cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Xét sự tự nguyện này của ông T là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của ông T, buộc ông T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng hai con chung mức cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

[4] Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nợ chung: Không có.

Án phí: Buộc ông T nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ án phí do thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 186 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Quang Lê T.

Ông Lưu Quang Lê T và bà Huỳnh Thị Thúy Tr ly hôn với nhau.

Con chung: Buộc ông Lưu Quang Lê T giao bà Huỳnh Thị Thúy Tr nuôi dưỡng hai con chung tên Lưu Huỳnh Nguyên K, sinh ngày 22/7/2007; Lưu Huỳnh Khôi N, sinh ngày 04/12/2013.

Công nhận sự tự nguyện của ông Lưu Quang Lê T buộc phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng Lưu Huỳnh Nguyên K, Lưu Huỳnh Khôi N mức cấp dưỡng 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng/hai con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

2. Án phí: Buộc ông Lưu Quang Lê T nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí do thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng con chung, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số No 0005603 ngày 05/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V nên ông Lưu Quang Lê T còn buộc phải nộp thêm số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- UBND Phường T, TPVL: 1;
- Đương sự: 2;
- Lưu: 5.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân